

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH THÀNH PHẦN NĂM 2013 NHẪM ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CHUNG, NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH BẮC NINH

Khổng Văn Thắng
Cục Thống kê Bắc Ninh

Tóm tắt. *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) có vai trò khá quan trọng khẳng định môi trường tự do kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền từng tỉnh, thành phố trong cả nước. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích, so sánh về thực trạng chỉ số năng lực cạnh tranh chung, chỉ số thành phần của tỉnh Bắc Ninh với các tỉnh, thành xếp thứ nhất và các tỉnh Đồng bằng sông Hồng từ đó tìm ra mối quan hệ giữa PCI với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh; những đóng góp cơ bản mà việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại trong những năm qua; những hạn chế nội tại của từng chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần của tỉnh Bắc Ninh. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm điều chỉnh và cải thiện một cách đúng đắn, kịp thời để không ngừng nâng cao chỉ số PCI của tỉnh giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2030.*

Từ khóa: *Cải cách hành chính; đầu tư trực tiếp nước ngoài; tỉnh Bắc Ninh; xuất khẩu; một cửa.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp Bắc Ninh về một môi trường đầu tư thông thoáng, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, trong những năm gần đây tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều cố gắng trong việc cải thiện môi trường đầu tư, thu hút FDI để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Để môi trường thu hút vốn FDI tại Bắc Ninh ngày càng nhanh gọn và thuận tiện, hàng năm tỉnh đều ra những văn bản quan trọng để điều chỉnh môi trường thu hút đầu tư sao cho thân thiện và hiệu quả hơn. Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 26/4/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, trong đó chỉ rõ các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số thành phần trong chỉ số PCI của tỉnh nhất là việc thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong đăng ký kinh doanh; công bố công khai quy định sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, công tác giải phóng mặt bằng chấn chỉnh lề lối làm việc, thanh tra công vụ; đẩy mạnh ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Nhờ vậy mà chỉ số PCI của Bắc Ninh không ngừng được cải thiện từ vị trí thứ 20 năm 2007 đến năm 2011 Bắc

Ninh đã vươn lên vị trí thứ 2 toàn quốc và thứ nhất Đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, trong ba năm qua Bắc Ninh đã không còn là đơn vị số 1 hoặc 2 trong những địa phương dẫn đầu trong bảng tổng sắp kết quả xếp hạng chỉ số PCI nữa mà đang ngày một tụt dốc và xuống hạng nhanh. Nếu năm 2011 Bắc Ninh xếp thứ 2 toàn quốc thì năm 2012 Bắc Ninh bị đánh giá tụt xuống xếp hạng 10 với số điểm giảm còn 62,26 điểm (giảm 5,01 điểm so với năm 2011); năm 2013, tiếp tục giảm 2 bậc xuống xếp thứ 12 toàn quốc và đạt 61,07 điểm (giảm 1,19 điểm so với năm 2012). Tình trạng suy giảm về điểm số và tụt hạng của PCI Bắc Ninh đặt ra yêu cầu cần phải xem xét kỹ lưỡng các nguyên nhân, vấn đề tồn tại thông qua 9 lĩnh vực điều hành mà chỉ số PCI được xây dựng, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp điều chỉnh và cải thiện một cách đúng đắn, kịp thời, để thu hút FDI của Bắc Ninh không ngừng lớn mạnh. Xuất phát từ đó, chúng tôi nghiên cứu phân tích chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần năm 2013, nhằm nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh chung ở tỉnh Bắc Ninh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đánh giá thực trạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê mô tả từ các nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo, các kết quả nghiên cứu, các số liệu đã được công bố chính thức của các cơ quan, tổ chức như: Số liệu thống kê chủ yếu của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997 đến 2013; số liệu tổng hợp về đầu tư trực tiếp nước ngoài tỉnh Bắc Ninh từ năm 2007 đến nay của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra, các báo cáo khoa học, tạp chí, Internet, các văn bản pháp quy..., được sử dụng làm nguồn tài liệu nghiên cứu. Từ đó, tiến hành phân tích thực trạng về PCI của tỉnh Bắc Ninh và tình hình thu hút FDI trong những năm qua, những đóng góp mà nguồn vốn FDI mang lại như nộp ngân sách, thu hút lao động, xuất khẩu; cơ cấu FDI vào các ngành, những thuận lợi và khó khăn trong việc thu hút đầu tư... trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phù hợp trong việc nâng cao chỉ số PCI và tăng cường thu hút FDI trong thời gian tới. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp chuyên gia, chuyên khảo bằng cách trao đổi với các cán bộ của tỉnh, sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh, trao đổi thảo luận với các chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư, các chủ doanh nghiệp có vốn đầu tư FDI để hoàn thiện nội dung nghiên cứu cũng như kiểm chứng kết quả nghiên cứu.

3. THỰC TRẠNG VỀ PCI VÀ MÔI TRƯỜNG FDI TẠI TỈNH BẮC NINH

3.1. Thực trạng chỉ số PCI chung của Bắc Ninh

Trong những năm gần đây, tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện triển khai các hoạt động về công tác xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài khá hiệu quả. Môi trường đầu tư - kinh doanh luôn được cải thiện theo hướng thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn các nhà đầu tư. Đặc biệt năm 2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh là đơn vị đầu tiên trong cả nước đã triển khai áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong việc cấp giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh; cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Đến năm 2010, cơ chế một cửa tại Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh tiếp tục thực hiện đối với lĩnh vực thẩm định dự án có nguồn vốn ngân sách nhà nước, lĩnh vực đấu thầu và cấp giấy chứng nhận đầu tư. Kể từ khi áp dụng cơ chế một cửa liên thông, các hồ sơ công việc của tổ chức và công dân đều được xem xét giải quyết kịp thời, chính xác, thủ tục hành chính và thời gian giải quyết công việc đã được giải quyết nhanh gọn đáng kể như: Thời gian giải quyết đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế, con dấu và các công việc có liên quan được rút ngắn còn không quá 7 ngày; số lần tổ chức và công dân đi lại tới cơ quan hành chính cũng giảm còn không quá 3 lần; thủ tục hành chính cũng giảm còn 9 bước...Đặc biệt, trước đây tổ chức, công dân có yêu cầu giải quyết công việc phải đi ít nhất là 3 cơ quan mới có thể giải quyết được thì nay chỉ còn phải đến 1 nơi duy nhất là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nhờ những cải cách quyết liệt này mà chỉ số năng lực môi trường cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh liên tục được cải thiện rõ nét: nếu như năm 1997 xếp thứ 20 trong cả nước thì đến năm 2010 xếp thứ 6/63, đến năm 2011 đã xếp thứ 2/63 tỉnh thành trong cả nước, đây là một bước tiến lớn trong việc nâng cao hình ảnh của tỉnh đối với các nhà đầu tư. Tuy nhiên, đến năm 2012 Bắc Ninh đã bị tụt xuống thứ 10/63 tỉnh thành song vẫn xếp thứ nhất Đồng bằng sông Hồng; năm 2013, Bắc Ninh tiếp tục giảm điểm và xếp thứ 12/63 tỉnh thành trong cả nước và so với khu vực Đồng bằng sông Hồng, Bắc Ninh đã tụt xuống thứ 2 sau Quảng Ninh, trong 9 chỉ số thành phần (không tính chỉ số thứ 10 mới đưa vào điều tra) Bắc Ninh có 6 chỉ số tăng điểm, 3 chỉ số giảm điểm so với năm 2012; có 6 chỉ số tăng điểm là: “Tiếp cận đất đai”, “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Chi phí không chính thức”, “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Đào tạo lao động” và “Thiết chế pháp lý”. Tuy tụt hạng song khoảng cách giữa các tỉnh trong top 10 tỉnh dẫn đầu không lớn, khoảng cách của Bắc Ninh (xếp thứ 12) với Đà Nẵng (tỉnh dẫn đầu bảng xếp hạng) chỉ là 5,38 điểm.

Bảng 1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007 - 2013

Năm	Bắc Ninh			Tỉnh xếp thứ nhất			Bình quân cả nước
	Chỉ số CPI	Kết quả xếp hạng	Nhóm xếp hạng	Tên tỉnh	Chỉ số CPI	Nhóm xếp hạng	
2013	61,07	12	Tốt	Đà Nẵng	66,45	Rất tốt	57,78
2012	62,26	10	Tốt	Đồng tháp	63,79	Tốt	57.02
2011	67,27	2	Rất tốt	Lào Cai	73,53	Rất tốt	59.43
2010	64,48	6	Tốt	Đà Nẵng	69,77	Rất tốt	58.08
2009	65,70	10	Tốt	Đà Nẵng	75,96	Rất tốt	59.13
2008	59,57	16	Khá	Đà Nẵng	72,16	Rất tốt	53.38
2007	58,96	20	Khá	Bình Dương	77,20	Rất tốt	55.65

Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam(VCCI) năm 2014

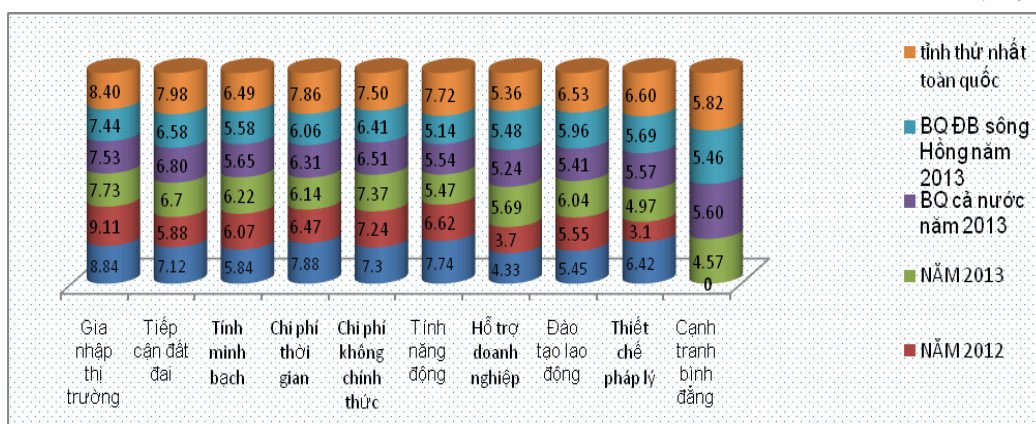
Bảng 1 ở trên cho thấy từ năm 2007 đến nay tỉnh Bắc Ninh đã có những bước tiến khá tốt trong việc xây dựng môi trường cạnh tranh thu hút đầu tư cấp tỉnh, từ vị trí thứ 20 của cả nước chỉ sau 2 năm đã vươn lên xếp thứ 6 (năm 2010) và đứng thứ 2 toàn quốc (năm 2011), đến năm 2013 tuy tụt xuống thứ 10 nhưng vẫn đứng thứ nhất Đồng bằng sông Hồng, năm 2013 đứng thứ 12 và tiếp tục đứng thứ 2 Đồng bằng sông Hồng. Có được kết quả đó là do tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện tốt cơ chế “một cửa” trong cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; hỗ trợ nhà đầu tư một cách hiệu quả trong việc cung cấp thông tin liên quan đến dự án đầu tư, hướng dẫn thủ tục đầu tư, xây dựng và triển khai dự án; thực hiện biên soạn tài liệu giới thiệu môi trường đầu tư, thường xuyên điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thời kỳ 2010-2015 để làm căn cứ xúc tiến, thu hút đầu tư; quảng bá hình ảnh, marketing địa phương giới thiệu môi trường đầu tư, thực hiện tuyên truyền, giới thiệu về môi trường đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website, các báo, tạp chí; tổ chức các Đoàn xúc tiến đầu tư tại: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, ... giới thiệu, quảng bá hình ảnh Bắc Ninh, tham gia cùng đoàn Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vận động đầu tư ở nước ngoài; xây dựng các mối quan hệ hỗ trợ trong công tác xúc tiến đầu tư; chủ động thiết lập quan hệ và trao đổi thông tin với các cơ quan ngoại giao, kinh tế, thương mại của các nước JETRO, AUSAID, KOTRA, GTZ, JICA... và Trung tâm xúc tiến đầu tư phía Bắc.

3.2. Thực trạng chỉ số thành phần PCI của tỉnh Bắc Ninh

Chỉ số PCI bao gồm 10 chỉ số thành phần, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một tỉnh sẽ được coi là thực hiện tốt tất cả 10 chỉ số thành phần nếu có: (1) chi phí gia nhập thị trường để khởi sự kinh doanh thấp; (2) tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng ổn định; (3) môi trường kinh doanh minh bạch và việc tiếp cận thông tin kinh doanh thuận lợi; (4) chi phí không chính thức ở mức tối thiểu; (5) thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện quy định, thủ tục hành chính ít; (6) lãnh đạo tỉnh năng động sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; (7) dịch vụ hỗ trợ kinh doanh phát triển và có chất lượng cao; (8) chính sách đào tạo lao động phù hợp; (9) thủ tục pháp lý giải quyết tranh chấp công bằng và hiệu quả; (10) cạnh tranh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp và thành phần kinh tế trên địa bàn (đây là chỉ tiêu mới bổ sung năm 2013). Từ những thông số trên cho thấy Bắc Ninh liên tục đứng trong top khá của toàn quốc và mức cao của khu vực Đồng bằng sông Hồng (xem biểu đồ sau).

**Biểu 1. Chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần cả nước, ĐBSH
Tỉnh thứ nhất toàn quốc năm 2013 và của tỉnh Bắc Ninh**

ĐVT: Điểm



Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2014

Nhìn vào biểu đồ trên cho thấy, mặc dù năm 2013 tỉnh Bắc Ninh đứng thứ 12 toàn quốc và đứng thứ 2 khu vực Đồng bằng sông Hồng về chỉ số PCI song khoảng cách điểm số với đơn vị đứng đầu đã hẹp lại (thấp hơn Đà Nẵng 5,83 điểm), trong khi năm 2011, đứng thứ 2 nhưng khoảng cách so với Lào Cai, đơn vị đứng đầu là 6,26 điểm, điều này cho thấy sức cạnh tranh về PCI đang ngày một khốc liệt.

Về chỉ số thành phần, cho đến nay Bắc Ninh chưa có chỉ số thành phần nào đứng đầu trong chỉ số thành phần ở các tỉnh, trong khi đó tỉnh Trà Vinh tuy xếp thứ 13 nhưng có 2 chỉ số đứng đầu (gia nhập thị trường 9,47 điểm và chỉ tiêu tiếp cận đất đai 8,68 điểm); tỉnh Kiên Giang xếp thứ 3 toàn quốc cũng có 2 chỉ số đứng đầu cả nước (chi phí thời gian 8,36 điểm và chi phí không chính thức 8,94 điểm); Đà Nẵng, đơn vị xếp thứ 1 toàn quốc không có chỉ số nào đứng đầu, trong khi năm 2012, tỉnh Đồng Tháp, đơn vị đứng đầu toàn quốc lại có tới 3 chỉ số đứng đầu. Trong năm 2013, tỉnh Bắc Ninh có 3/9 chỉ số giảm điểm và 6/9 chỉ số tăng điểm so với năm 2012; các chỉ số giảm có gia nhập thị trường giảm 1,38 điểm, chi phí thời gian giảm 0,3 điểm (đây là năm thứ 2 chỉ tiêu này giảm điểm), tính năng động giảm 1,15 điểm (đây cũng là chỉ số 2 năm liên tiếp giảm điểm), tuy nhiên các chỉ số này vẫn ở mức khá so với cả nước và Đồng bằng sông Hồng.

Các chỉ số tăng điểm là: tiếp cận đất đai, tăng 0,82 điểm; tính minh bạch tăng 0,15 điểm đây là năm thứ 2 liên tiếp chỉ tiêu này tăng điểm (năm 2012 tăng 0,23 điểm so với năm 2011); chi phí không chính thức tăng 0,13 điểm; hỗ trợ doanh nghiệp tăng mạnh nhất 1,99 điểm; đào tạo lao động tăng 0,49 điểm, đây cũng là chỉ tiêu 2 năm liên tiếp tăng điểm (năm 2012 tăng 0,1 điểm so với năm 2011); chỉ tiêu thiết chế pháp lý cũng tăng điểm khá mạnh 1,87 điểm so với năm 2012. Các phân tích này cho thấy, Bắc Ninh vẫn còn nhiều dư địa cho cải cách tiếp theo để môi trường kinh doanh của tỉnh đi vào thực chất và tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

So với bình quân chung cả nước, trong 10 chỉ tiêu thành phần tỉnh Bắc Ninh chỉ có 5/10 chỉ tiêu là cao điểm hơn, còn 5/10 chỉ tiêu lại thấp điểm hơn, cụ thể: chỉ tiêu tiếp cận

đất đai thấp hơn 0,10 điểm; chỉ tiêu chi phí thời gian thấp hơn 0,17 điểm; chỉ tiêu tính năng động thấp hơn 0,07 điểm; chỉ tiêu thiết chế pháp lý thấp hơn 0,6 điểm và đặc biệt chỉ tiêu mới đưa vào năm 2013 là chỉ tiêu cạnh tranh bình đẳng thấp hơn đến 1,03 điểm. Điều này cho thấy Bắc Ninh vẫn còn rất nhiều việc phải làm để vươn lên cao hơn nữa trong bảng xếp hạng PCI, nhất là vấn đề cạnh tranh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp trong tỉnh. Một số chủ doanh nghiệp đánh giá tỉnh Bắc Ninh vẫn còn ưu ái cao cho một số doanh nghiệp Nhà nước địa phương hay vì đẩy mạnh thu hút FDI mà ưu ái nhiều hơn cho khối doanh nghiệp FDI.

So với Đồng bằng sông Hồng, tỉnh Bắc Ninh có 8 chỉ số cao điểm hơn đó là: chỉ tiêu gia nhập thị trường cao hơn Đồng bằng sông Hồng 0,29 điểm; tiếp cận đất đai cao hơn 0,12 điểm; tính minh bạch cao hơn 0,64 điểm; chi phí thời gian cao hơn 0,08 điểm; chi phí không chính thức cao hơn 0,96 điểm; chỉ tiêu tính năng động cao hơn 0,33 điểm; hỗ trợ doanh nghiệp cao hơn 0,21 điểm; cuối cùng là chỉ tiêu đào tạo lao động cao hơn 0,28 điểm. Tuy nhiên, Bắc Ninh vẫn còn 2 chỉ tiêu thấp điểm hơn bình quân chung Đồng bằng sông Hồng đó là: chỉ tiêu thiết chế pháp lý thấp hơn 0,72 điểm và nhất là chỉ tiêu cạnh tranh bình đẳng không những thấp hơn bình quân chung của cả nước mà còn thấp hơn Đồng bằng sông Hồng đến 0,89 điểm.

Điểm đáng lưu ý là so với đơn vị dẫn đầu cả nước năm 2013, tỉnh Bắc Ninh cả 10/10 chỉ tiêu không có chỉ tiêu nào cao điểm hơn Đà Nẵng, trong khi đó năm 2012 xếp thứ 10 nhưng lại có 4 chỉ số cao điểm so với đơn vị dẫn đầu là Đồng Tháp (gồm chỉ tiêu gia nhập thị trường cao hơn 0,27 điểm, chi phí thời gian cao hơn 0,45 điểm, chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp cao hơn 0,75 điểm). Năm 2013, thậm chí có đến 5 chỉ tiêu thấp hơn đến trên 1 điểm so với Đà Nẵng, đó là: chỉ số tiếp cận đất đai thấp hơn 1,28 điểm; chỉ số chi phí thời gian thấp hơn 1,72 điểm; chỉ số tính năng động thấp hơn đến 2,25 điểm; chỉ số thiết chế pháp lý thấp hơn 1,63 điểm và cuối cùng chỉ số cạnh tranh bình đẳng cũng thấp hơn 1,25 điểm.

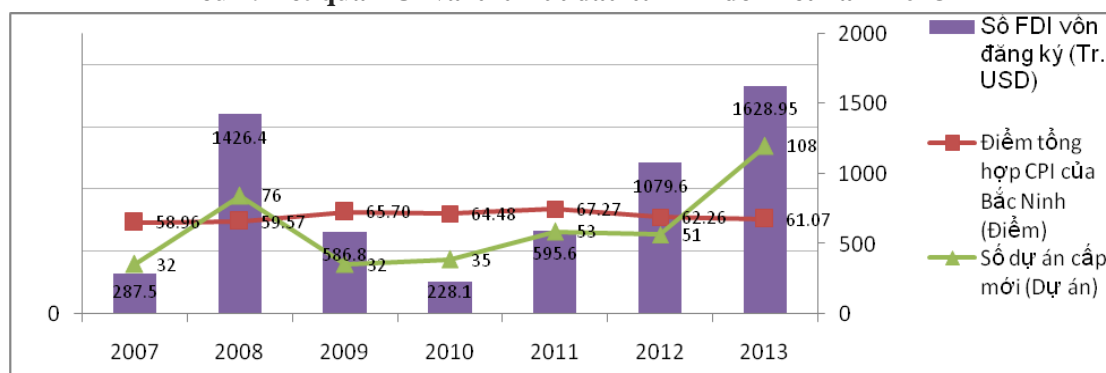
3.3. Mối quan hệ giữa PCI với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh

Nhìn vào Biểu 2 có thể thấy rằng giữa chỉ số PCI và số dự án được cấp phép mới có mối quan hệ khá chặt chẽ với nhau. Chỉ số PCI được xếp hạng càng cao thì thu hút càng được nhiều dự án. Năm 2007 chỉ số xếp hạng PCI của tỉnh Bắc Ninh đứng thứ 20 thì dự án cấp phép mới là 32, đến năm 2006 tỉnh Bắc Ninh xếp thứ 16 thì thu hút dự án mới FDI đạt 76 dự án, năm 2009 xếp thứ 10 thì thu hút được 32 dự án, đến năm 2011 xếp thứ 2 thì Bắc Ninh thu hút được 53 dự án, năm 2012 Bắc Ninh tụt hạng từ thứ 2 xuống thứ 10 nên số dự án FDI thu hút cũng giảm chỉ còn 51 dự án, tuy nhiên năm 2013 mặc dù xếp thứ 12 nhưng Bắc Ninh lại thu hút đến 108 dự án. Điều này cho thấy không phải chỉ số PCI quyết định tất cả việc thu hút vốn FDI vào một địa phương, vì “chỉ số PCI là chỉ số đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc tiếp cận các điều kiện đầu tư của địa phương, do đó chỉ số này không quyết định dòng đầu tư vào địa phương nào. Bởi những nhà đầu tư có quan điểm, cách nhìn khác nhau nên không đồng nhất với quan điểm của một số doanh nghiệp vừa và nhỏ được khảo sát. Ngoài ra một số

địa phương có lợi thế rất lớn, vượt qua cả các yếu tố thành phần của chỉ số PCI như về mặt thị trường, thông tin... Bằng chứng cho thấy là Hà Nội vẫn đứng trong top dẫn đầu về thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng như số lượng các doanh nghiệp đầu tư. Như vậy, các địa phương đứng đầu về chỉ số PCI cũng không phải là nơi có khả năng thu hút mạnh nhất, chỉ số này chỉ là đánh giá về môi trường đầu tư ở góc độ chủ quan, trong khi góc độ khách quan sẽ được doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn. Ví dụ một doanh nghiệp khi lựa chọn địa điểm đầu tư không thể lựa chọn một địa phương có chỉ số PCI cao nhưng ở miền núi để đặt trụ sở lớn nếu họ cảm thấy ở Hà Nội có cơ sở để phát triển hơn”⁽¹⁾.

Đặc biệt thông qua 9 chỉ số thành phần của năm 2013 cho thấy Bắc Ninh có đến 8 chỉ số có số điểm cao hơn bình quân chung Đồng bằng sông Hồng và 5 chỉ số cao hơn bình quân chung cả nước nhất là những chỉ số mà nhà đầu tư hết sức quan tâm như: Chỉ số gia nhập thị trường; tính minh bạch; chi phí không chính thức; chỉ tiêu hỗ trợ doanh nghiệp và đào tạo lao động đang là vấn đề hết sức bức thiết của khối doanh nghiệp FDI... đã giúp tỉnh Bắc Ninh kéo được 108 dự án FDI và là đơn vị thu hút dự án xếp loại cao nhất Đồng bằng sông Hồng. Không chỉ có số dự án mà ngay cả vốn đăng ký kinh doanh cũng tăng theo. Nếu năm 2010 chỉ có 228,1 triệu USD đến 2011 đã là 595,6 triệu USD, năm 2012 là 1079,6 triệu USD và năm 2013 là 1628,95 triệu USD. Diễn hình là tính năng động của Bắc Ninh thông qua công tác xúc tiến đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, kết quả thu hút FDI của tỉnh Bắc Ninh đã có những kết quả đáng ghi nhận. Luỹ kế từ 1997 đến hết năm 2013 toàn tỉnh có trên 467 đơn vị FDI còn hoạt động, với tổng vốn đầu tư đăng ký 6.362,26 triệu USD; diện tích chiếm đất của các doanh nghiệp FDI là: 1.035,87 ha (không tính diện tích của các dự án đầu tư hạ tầng), suất đầu tư trung bình 13,41 triệu USD/dự án⁽²⁾.

Biểu 2. Kết quả PCI và thu hút đầu tư FDI đến hết năm 2013



Nguồn: Báo cáo tình hình thu hút đầu tư tỉnh Bắc Ninh 2013 – sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh; VCCI/VNCI. 1.2014. Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Việt Nam năm 2013

¹ TS Nguyễn Minh Phong- trả lời phỏng vấn Báo An ninh thủ đô, Thứ sáu 29/03/2013 06:51

² Khổng Văn Thắng (2013), “Cải cách hành chính - động lực thu hút đầu tư tại tỉnh Bắc”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, Số: 06 (2013), tr. 17- 20.

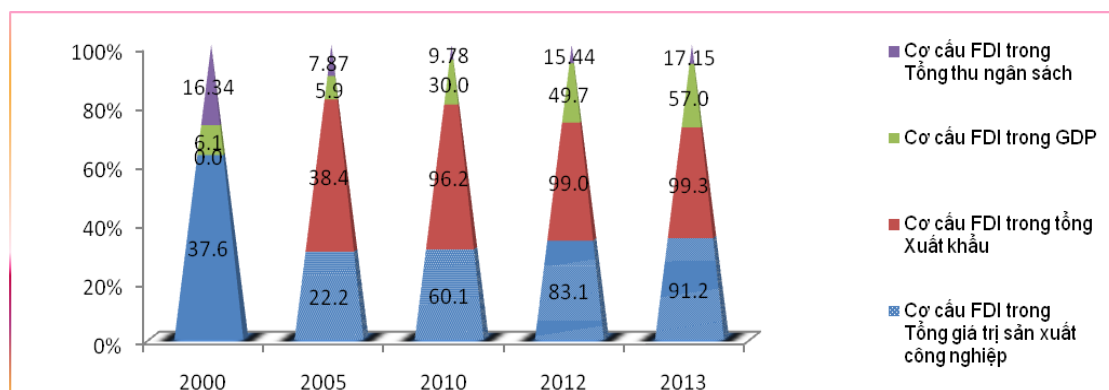
Đến nay, đã có khoảng 20 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án FDI đầu tư tại tỉnh Bắc Ninh, trong đó các quốc gia có nhiều dự án là: Hàn Quốc với 122 dự án, vốn đầu tư đăng ký 1.658 triệu USD (chiếm 26,5% tổng vốn đăng ký FDI toàn tỉnh); Nhật Bản với 78 dự án, vốn đầu tư 930,6 triệu USD (chiếm 14,9% tổng vốn FDI toàn tỉnh); Đài Loan 30 dự án, vốn đầu tư đăng ký 336 triệu USD. Một số tập đoàn lớn đến đầu tư như: Canon, Samsung, Nokia,... Các dự án FDI đầu tư vào tỉnh chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp điện tử với vốn đầu tư đăng ký 1.449 triệu USD, chiếm 23,1% tổng vốn FDI toàn tỉnh. Các dự án có vốn đầu tư lớn là: Samsung 670 triệu USD, Canon 130 triệu USD,...

3.4. Một số đóng góp của việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm qua

Trong những năm qua, khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài của Bắc Ninh đã khẳng định vị trí của mình và trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá của tỉnh. Kết quả nổi bật của chính sách thu hút FDI của Bắc Ninh trong thời gian qua là: Khu vực kinh tế có vốn FDI đã đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh, cụ thể (xem Biểu 03) sau:

Biểu 3. Cơ cấu khu vực kinh tế FDI trong GDP và trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp; Tổng giá trị xuất khẩu và tổng thu ngân sách của tỉnh Bắc Ninh

DVT: %



Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2013; Số liệu thống kê chủ yếu tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1997-2013

Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI trong GDP toàn tỉnh tăng dần qua các năm: năm 2000 là 6,1%; năm 2005 là 5,9% và đến năm 2010 đạt 30%, năm 2012 đạt 49,7% và sơ bộ năm 2013 sẽ là 57%. Khu vực kinh tế có vốn FDI cũng góp phần vào chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực FDI năm 2000 đạt 797 tỷ đồng (giá cố định 1994), chiếm 37,6 % tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; đến năm 2005 đạt 1.509 tỷ đồng, nhưng chỉ chiếm 22,2% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh và 5 năm sau giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực FDI tăng với tốc độ rất nhanh, cụ thể là năm 2010 đạt 21.957 tỷ đồng, chiếm 60,1% GTSX công nghiệp toàn tỉnh; năm 2012 GTSX công nghiệp FDI đạt 70.498 tỷ đồng,

chiếm 83,1% và sơ bộ năm 2013, giá trị sản xuất công nghiệp của FDI ước đạt trên 165.809 tỷ đồng, chiếm 91,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành (xem Biểu 3).

Xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh và đóng vai trò quan trọng, thúc đẩy gia tăng tổng kim ngạch xuất khẩu của Bắc Ninh. Nếu như năm 2000 kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI không có gì thì đến 2005 xuất khẩu khu vực này đã đạt 36,7 triệu USD, chiếm 38,4% kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh; đến năm 2010 kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI đạt 2.357,3 triệu USD, chiếm 96,2% kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh; năm 2012 kim ngạch xuất khẩu đạt 13.579,6 triệu USD, chiếm 99% tổng kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh và sơ bộ năm 2013 kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI đạt trên 23.873,7 triệu USD chiếm 99,3% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI trong kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh đã tăng với tốc độ cao, từ 0,2% vào năm 2001 lên 38,4% vào năm 2005; đến năm 2010 đạt 96,2%; đến 2012 là 99,0% và ước 2013 là 99,3% với mặt hàng chủ lực là lĩnh vực điện tử⁽³⁾. (xem Biểu 3)

Đầu tư nước ngoài của Bắc Ninh đã đóng góp ngày càng lớn vào nguồn thu ngân sách của tỉnh (xem Biểu 03). Nộp ngân sách của khu vực đầu tư nước ngoài năm 2000 đạt 37,32 tỷ đồng, chiếm 16,34% tổng thu ngân sách toàn tỉnh; năm 2005 nộp ngân sách khu vực FDI đạt 70,5 tỷ đồng, chiếm 7,87% tổng thu ngân sách toàn tỉnh và chỉ 5 năm sau số nộp ngân sách khu vực FDI đã tăng nhanh và liên tục qua từng năm. Năm 2010 khu vực FDI nộp ngân sách 521,4 tỷ đồng, chiếm 9,78% tổng thu ngân sách trên địa bàn; năm 2012 số thu này đã tăng lên đạt 1400 tỷ đồng, chiếm 15,44% và ước 2013 là 1812 tỷ, chiếm 17,15% tổng thu ngân sách trên địa bàn. Khu vực đầu tư nước ngoài góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Năm 2006, doanh nghiệp FDI đã tạo việc làm cho 7.699 người, chiếm 12% tổng số lao động trong các doanh nghiệp toàn tỉnh; năm 2010, số lượng người lao động làm việc cho các doanh nghiệp FDI đã tăng lên 36.800 người, chiếm 30,9% tổng số lao động trong các doanh nghiệp toàn tỉnh và đến nay là 79.800 người⁽⁴⁾.

3.5. Những hạn chế của chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Bắc Ninh

Trong năm 2013, tỉnh Bắc Ninh đã triển khai một số giải pháp cải cách hành chính mới, tuy nhiên sức tác động của các giải pháp mới này vẫn có những “độ trễ chính sách” nhất định, chưa thể phát huy tác dụng ngay trong thời điểm trước mắt. Trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, thái độ phục vụ của một bộ phận công chức trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính còn hạn chế. Đặc biệt ở cấp cơ sở việc thực thi văn bản chưa thật hiệu quả, chưa tạo được nhiều thay đổi tích cực trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính công cho doanh nghiệp.

³ Không Văn Thắng (2013), “Giải pháp đẩy mạnh xuất nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, Số: 12(22), tr. 7- 14.

⁴ Không Văn Thắng (2013), “*Attracting foreign direct investment in Bac Ninh province situation and solutions*” Tạp chí Khoa học kinh tế Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Số: 2 (2013), tr. 23 -30.

Công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh Bắc Ninh nhìn chung có nhiều tiến bộ khá nổi bật, biểu hiện ở chỉ tiêu gia nhập thị trường đã có mức điểm khá cao, song phải khẳng định các tỉnh thành trong cả nước cũng đang có nhiều nỗ lực để cải thiện chính sách này và đang đuổi gần kịp các đơn vị mạnh. Trong khi đó, theo nhận định của một số chuyên gia ở các sở, ngành của tỉnh cho rằng một số đoàn đi xúc tiến đầu tư hiệu quả mang lại chưa cao.

Công tác kiểm soát tham nhũng và giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện các trách nhiệm giải trình đối với đội ngũ cán bộ, công chức vẫn chưa có một cơ chế triển khai hiệu quả như mong đợi của người dân, doanh nghiệp. Đặc biệt là chỉ tiêu thiết chế pháp lý của Bắc Ninh tuy đã có cải thiện hơn so với năm 2012 nhưng so với bình quân chung và so với các tỉnh thành trong cả nước thì còn rất thấp, nhất là chất lượng hoạt động công chứng, tư vấn pháp lý. Hầu hết doanh nghiệp cho rằng khi xảy ra vụ việc gì liên quan đến pháp luật thì gần như tự thân doanh nghiệp phải đơn phương xoay sở; nếu cán bộ nhà nước làm trái với quy định của pháp luật mà doanh nghiệp phản ánh cấp trên thì doanh nghiệp sẽ bị gây khó khăn khi giải quyết công việc. Vì vậy, cần phải nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, tư vấn pháp lý, hoạt động của Tòa kinh tế, hành chính, dân sự.

Chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất là chỉ số quan trọng trong việc cạnh tranh và thu hút đầu tư. Năm 2013 chỉ số này của Bắc Ninh tuy tăng điểm nhưng cũng ở mức thấp, do vẫn còn khá nhiều doanh nghiệp chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đặc biệt, giá thuê mặt bằng kinh doanh còn cao, thủ tục về thuê mua đất phức tạp và doanh nghiệp thiếu các thông tin về quy hoạch. Phần lớn doanh nghiệp cho rằng sự thay đổi khung giá đất của tỉnh không phù hợp với sự thay đổi giá của thị trường, chưa đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước - người sử dụng đất - nhà đầu tư (giá đất của tỉnh luôn thấp hơn giá thị trường hoặc giá đất của tỉnh thay đổi chậm hơn giá thị trường).

Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp vẫn còn đạt thấp điểm do năng lực của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên địa bàn tỉnh chưa hấp dẫn, chưa gây được niềm tin về chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ. Họ thiếu các kỹ năng và kinh nghiệm tư vấn, đặc biệt là thiếu khả năng truyền đạt về giá trị của dịch vụ tư vấn cho khách hàng. Phần lớn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh của Bắc Ninh có quy mô nhỏ, những chuyên gia tư vấn độc lập không được đào tạo chuyên nghiệp và không xem đây như một nghề chính (chủ yếu làm thêm ngoài giờ, “vừa làm vừa học”) nên họ gặp khó khăn ngay cả trong việc quảng bá dịch vụ của mình. Chỉ số đào tạo lao động của tỉnh năm 2013 tuy có được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn bình quân chung cả nước. Mặc dù, trong thời gian qua, tỉnh đã triển khai nhiều chính sách về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Tuy nhiên, theo đánh giá của doanh nghiệp, năm 2013 chất lượng dịch vụ do các cơ quan Nhà nước cung cấp có phần giảm sút so với kết quả của các tỉnh khác, nhất là giáo dục dạy nghề vì hầu hết doanh nghiệp cho rằng các công nhân mặc dù đã được đào tạo nghề trước khi đi làm song khi vào công ty vẫn không đáp ứng được công việc và phải cho đi đào tạo lại; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm của các Trung tâm giới thiệu việc làm trong tỉnh cũng giảm do chất lượng lao động và kỷ luật lao động của địa phương đáp ứng thấp.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO PCI THÀNH PHẦN CHO TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2015-2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Để hoạt động đầu tư nước ngoài FDI tiếp tục phát huy hiệu quả đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thu hút FDI giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2030 theo hướng tăng chất lượng, hiệu quả cao và đảm bảo môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của tỉnh, có sự cam kết về chuyển giao công nghệ thích hợp với từng ngành, từng dự án, cam kết về điều kiện tiền lương cho lao động, đóng góp tốt cho ngân sách địa phương, phát triển đội ngũ lao động có kỹ năng cao. Ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, công nghệ sạch ít gây ô nhiễm môi trường, tạo ra giá trị gia tăng sản phẩm lớn, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên hướng tới phát triển bền vững. Các ngành khuyến khích đầu tư gồm: công nghệ thông tin, điện tử, vi điện tử, công nghệ sinh học, du lịch, y tế, giáo dục - đào tạo; dịch vụ giải trí...; thu hút các dự án FDI gắn với nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ theo hướng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Khuyến khích thu hút vào ngành công nghiệp phụ trợ nhằm giảm chi phí đầu vào về nguyên - phụ liệu góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm sản xuất trong nước. Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và kết quả đã đạt được giai đoạn 2006-2010, một số mục tiêu cơ bản giai đoạn 2011-2015 về khu vực FDI dự kiến như sau: tiếp tục duy trì chỉ số PCI ở top 10 tỉnh dẫn đầu toàn quốc; thu hút hàng năm 40 - 50 dự án/năm, vốn đầu tư khoảng 500 triệu USD/năm; xuất khẩu bình quân hàng năm đạt 13 tỷ USD/năm, chiếm khoảng 95% tổng kim ngạch xuất khẩu; giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm 16 tỷ USD/ năm, chiếm khoảng 60% tổng GTSX công nghiệp; nộp ngân sách bình quân hàng năm 1.500 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 20% tổng thu ngân sách toàn tỉnh⁽⁵⁾.

Để thực hiện được phương hướng và mục tiêu thu hút FDI giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2030 cần thực hiện một số giải pháp như sau:

⁵ Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2013), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh 2015 -2020 và tầm nhìn đến 2030

Một là, Đẩy mạnh tuyên truyền và phản hồi đối với doanh nghiệp (DN). Trong thời gian qua, mặc dù tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều nỗ lực trong thực hiện cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, cắt giảm chi phí, tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức,... tuy nhiên, có thể nhận thấy sức lan tỏa của các nội dung này đến với các doanh nghiệp vẫn chưa thường xuyên và chưa kịp thời. Do đó, việc đẩy mạnh công tác thông tin và truyền thông nhằm thông báo cho doanh nghiệp biết và thực hiện đầy đủ các quyền lợi của mình là một yêu cầu cấp thiết. Tỉnh Bắc Ninh cần thường xuyên tổ chức gặp mặt, đối thoại với các nhà đầu tư và đại diện các tổ chức quốc tế đang hoạt động, công tác trên địa bàn; có danh mục các dự án cần thu hút, các chính sách ưu đãi của tỉnh; công bố về quy hoạch thu hút đầu tư vào các lĩnh vực mà Bắc Ninh thế mạnh, tiềm năng về tài nguyên, lao động của tỉnh để các nhà đầu tư có cơ hội lựa chọn. Trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư theo hướng hiệu quả và tạo điều kiện phát triển bền vững: tập trung vào các thị trường lớn, tiềm năng như châu Âu, Mỹ, Nhật,...; tập trung thu hút các dự án có vốn đầu tư lớn, sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao... Thúc đẩy việc phát triển các khu công nghiệp (KCN) chuyên ngành, tạo lập ngành công nghiệp mũi nhọn (điện tử, viễn thông) và công nghiệp hỗ trợ.

Hai là, Nâng cao các chỉ số thành phần trong chỉ số PCI, thực thi các chính sách đổi mới, thu hút sự quan tâm và tạo lòng tin của doanh nghiệp trong điều kiện thực hiện các chính sách, quy hoạch theo tinh thần đổi mới. Nhanh chóng hoàn thiện các đề án quy hoạch dài hạn, đề ra những thông điệp mới thể hiện những cam kết đổi mới ở tầm lãnh đạo tỉnh, đồng hành cùng doanh nghiệp, giải quyết tốt những vướng mắc của doanh nghiệp. Kiểm soát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng không tạo thêm khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện các chính sách của Trung ương. Tiếp tục thực hiện tốt việc đơn giản hoá thủ tục hành chính, thực hiện tốt hơn cơ chế “một cửa”, rút ngắn và hỗ trợ tốt hơn cho doanh nghiệp trong đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng theo các quyết định của UBND tỉnh về đơn giản hoá thủ tục hành chính tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm tốt quy hoạch sử dụng đất. Sở Xây dựng phải đưa công tác quy hoạch xây dựng đi trước một bước. Tăng cường hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công về đất đai, xây dựng, công tác giải phóng mặt bằng, kết nối dữ liệu giữa các ngành trong quản lý doanh nghiệp và đầu tư...

Ba là, Cần tạo ra bước đột phá mới trong vận hành hệ thống hướng tới mục tiêu xây dựng chính phủ điện tử. Cùng với những kết quả đã đạt được về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong những năm qua, cần đi vào các giải pháp

thực chất, có hiệu quả hơn nhằm nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin, điều hành, quản lý, nâng cao chất lượng các website, thông tin về quy hoạch, chính sách, quản trị theo hệ thống chất lượng ISO một cách thực chất... để tăng tính minh bạch. Tăng cường hỗ trợ thực chất cho DN theo Nghị định 56/ ND- CP của Chính phủ; nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, tư vấn pháp lý. Nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ DN, trước hết ở các đơn vị sự nghiệp có chức năng hỗ trợ DN; khuyến khích các DN cung cấp dịch vụ hỗ trợ DN (công nghệ thông tin, tư vấn tài chính, đầu tư, tiếp thị,...). Các sở, ban, ngành tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư vấn hoạt động, giới thiệu trên website các công ty tư vấn, tạo điều kiện cho thị trường dịch vụ tư vấn phát triển; tránh tình trạng tư vấn khép kín theo các trung tâm tư vấn của các ngành, đơn vị, địa phương. Nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, tư vấn pháp lý; hoạt động của toà kinh tế, hành chính, dân sự.

Bốn là, Cần hoàn thiện đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển các KCN đến năm 2015 định hướng đến năm 2020 nhằm phát triển đồng bộ, hiệu quả và bền vững giữa đầu tư, xây dựng các KCN trên địa bàn tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành khác. Tham gia vào việc phân bố, điều chỉnh lại không gian kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo sự phát triển hài hoà giữa các khu vực trong tỉnh, là cơ sở để Bắc Ninh hội nhập và phát triển bền vững. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý Nhà nước về đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đặc biệt chú trọng tới công tác tổ chức thực hiện các chính sách mới. Điều kiện tiên quyết vẫn là đội ngũ những người làm công tác thu hút đầu tư, từ đó đặt ra cho tỉnh phải khẩn trương thực hiện công tác đào tạo và thu hút cán bộ có năng lực làm công tác này.

Năm là, Thực hiện tốt các đề án về đào tạo lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo lao động đối với các cơ sở đào tạo trên địa bàn; kết nối nhu cầu lao động cho DN. Chăm lo, đời sống người lao động, tạo môi trường làm việc hiệu quả, có phương pháp hợp lý khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với DN. Đơn đốc các chủ đầu tư hạ tầng các KCN xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng các KCN gắn với các công trình phúc lợi xã hội: Nhà ở, trường học, công viên, chợ, nhà trẻ, trung tâm văn hoá thể thao, cơ sở chăm sóc sức khoẻ cho người lao động, nhằm đảm bảo cho các KCN phát triển bền vững. Nêu cao hình ảnh về các KCN Bắc Ninh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và hỗ trợ giải quyết khó khăn cho các DN. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong các KCN. Đơn đốc các chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp thứ cấp thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường⁽⁶⁾.

⁶ Khổng Văn Thắng (2014), “Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề nông thôn tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Tri thức xanh, Số 01(2014), tr. 52 -55.

5. KẾT LUẬN

Với những phân tích trên đây có thể kết luận rằng cả 9 chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần cấp tỉnh đều có vai trò quan trọng đóng góp vào chỉ số năng lực cạnh tranh chung của tỉnh. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy mối liên hệ tích cực giữa chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh với thu hút đầu tư, việc thu hút đầu tư tốt đã góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương (GDP), đóng góp hiệu quả vào thu ngân sách cho địa phương, giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu...Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, mặc dù tỉnh Bắc Ninh tuy có thứ hạng chỉ số khá cao trong những năm qua, song sự cạnh tranh về thứ hạng chỉ số PCI giữa các tỉnh đang bước vào giai đoạn cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đòi hỏi tỉnh phải có những giải pháp mang tính chiến lược mới có cơ hội cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh, giúp tỉnh ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư, tạo cơ sở và động lực để Bắc Ninh đẩy mạnh phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững, xây dựng tỉnh ngày càng giàu mạnh, văn minh như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 18 đã đề ra và sớm hoàn thành mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thống kê Bắc Ninh (2013), Số liệu thống kê chủ yếu tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1997-2013 (Nxb) Thống kê.
- [2] Cục Thống kê Bắc Ninh (2013), Niên giám Thống kê năm 2013 (Nxb) Thống kê.
- [3] Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh (2010), Báo cáo tình hình thu hút đầu tư tỉnh Bắc Ninh 2013;
- [4] Khổng Văn Thắng (2013), “Giải pháp đẩy mạnh xuất nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số: 12 (22), tr. 7- 14.
- [5] Khổng Văn Thắng (2013), “Cải cách hành chính - động lực thu hút đầu tư tại tỉnh Bắc”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, số: 06 (2013), tr. 17 - 20.
- [6] Khổng Văn Thắng (2013), “Attracting foreign direct investment in Bac Ninh province situation and solutions” Tạp chí Khoa học kinh tế Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Số: 2 (2013), tr. 23 – 30.
- [7] Khổng Văn Thắng (2013), “Tăng cường quản lý nhà nước về môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề - nghiên cứu trường hợp của tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Phát triển nhân lực, số: 02 (33), tr. 47 -51.
- [8] Khổng Văn Thắng (2014), “Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề nông thôn tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Tri thức xanh, số 01 (2014), tr. 52 -55.
- [9] Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2013), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh 2015 -2020 và tầm nhìn đến 2030;
- [10] VCCI/VNCI. 1.2014, Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Việt Nam năm 2013.

ANALYSIS OF THE COMPONENT COMPETITIVENESS INDEX IN 2013 TO IMPROVE GENERAL COMPETITIVENESS INDEX IN BAC NINH

Khong Van Thang

Statistics Departement of Bac Ninh province

Abstract. *The provincial competitiveness index plays an important role in confirming free business environment and quality of economic governance and administrative reform efforts of the local authority of each province or city in the country. Within the scope of the article, we use statistical methods to analyze description, compare some indicators on the status of general competitiveness and component index of Bac Ninh province to other areas ranked the first and Red River Delta provinces in order to find out the relationship between PCI with attracting foreign direct investment in Bac Ninh province; fundamental contribution of the attraction of foreign direct investment in recent years; intrinsic limitations of competitiveness index of Bac Ninh. Based on that, we propose some suggestions and solutions to improve and adjust properly in order to constantly develop the PCI in the period 2015-2020 and vision to 2030 .*

Keywords: *Administrative reform; foreign direct investment; Bac Ninh province; export; a door.*